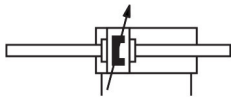


**Xy lanh đẹt**  
**DZH-50- -PPV-A-S2**  
Số bộ phận: 151774

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 1 mm...1000 mm                                                |
| Ø pít tổng                                            | 50 mm<br>đường kính tương đương                               |
| Góc xoay tối đa của thanh piston +/-                  | 0.75 °                                                        |
| Đệm                                                   | Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được                      |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kỳ                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tổng<br>Cần piston                                        |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                          | Ty pít tổng liền mạch                                         |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng                           | Pít-tông bầu dục                                              |
| Áp suất vận hành                                      | 0.06 MPA...1 MPA<br>0.6 bar...10 bar                          |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Chiều dài đệm                                         | 23 mm                                                         |
| Mô-men xoắn cực đại của thiết bị chống quay           | 1.7 N m                                                       |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 989.6 N                                                       |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 989.6 N                                                       |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm          | 60 g                                                          |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                  | 1200 g                                                        |
| Kiểu gắn                                              | với ren trong<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                       |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/4                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                          | Nhôm                                                          |
| Vật liệu của phốt                                     | TPE-U (PU)                                                    |
| Vật liệu vỏ                                           | Nhôm                                                          |

| Đặc tính              | Giá trị      |
|-----------------------|--------------|
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim |